

HỘI TOÁN HỌC VIỆT NAM



# THÔNG TIN TOÁN HỌC

Tháng 12 Năm 2005

Tập 9 Số 4



Lưu hành nội bộ

## **Thông Tin Toán Học**

- Tổng biên tập:

Lê Tuấn Hoa

- Ban biên tập:

Phạm Trà Ân  
Nguyễn Hữu Dư  
Lê Mậu Hải  
Nguyễn Lê Hương  
Nguyễn Thái Sơn  
Lê Văn Thuyết  
Đỗ Long Vân  
Nguyễn Đông Yên

- Bản tin **Thông Tin Toán Học** nhằm mục đích phản ánh các sinh hoạt chuyên môn trong cộng đồng toán học Việt nam và quốc tế. Bản tin ra thường kì 4-6 số trong một năm.

- Thể lệ gửi bài: Bài viết bằng tiếng việt. Tất cả các bài, thông tin về sinh hoạt toán học ở các khoa (bộ môn) toán, về hướng nghiên cứu hoặc trao đổi về phương pháp nghiên cứu và giảng dạy đều được hoan nghênh. Bản tin cũng nhận đăng các bài giới thiệu tiềm năng khoa học của các cơ sở cũng như các bài giới thiệu các nhà

toán học. Bài viết xin gửi về toà soạn. Nếu bài được đánh máy tính, xin gửi kèm theo file (đánh theo ABC, chủ yếu theo phong chữ .VnTime).

- Mọi liên hệ với bản tin xin gửi về:

*Bản tin: **Thông Tin Toán Học**  
Viện Toán Học  
18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội*

e-mail:

*hthvn@math.ac.vn*

© Hội Toán Học Việt Nam

**Hội thảo “Về Chương trình Toán tại các bậc phổ thông”  
và buổi gặp mặt “Mừng Xuân Bính Tuất”  
Vĩnh Yên và Tam Đảo,  
ngày 25/2/2006 (tức 28 tháng Giêng năm Bính Tuất)**

Để thiết thực mừng Xuân Bính Tuất, BCH Hội Toán học Việt Nam quyết định kết hợp buổi gặp mặt truyền thống hàng năm của Hội với một hội thảo nhỏ bàn về chương trình Toán tại các bậc phổ thông. Đây là một dịp để tất cả chúng ta có thể cùng nhau nhìn qua về vấn đề này.

**Địa điểm:** Cơ sở 2 của Học viện KTQS tại Vĩnh Yên và Tam Đảo  
**Thời gian:** Thứ 7, ngày 25/2/2006 (tức 28 tháng Giêng năm Bính Tuất)  
**Lịch trình cụ thể của như sau:**

6h45 — 7h: tập trung trước cổng Viện Toán. Đại biểu nào đi xe máy có thể gửi xe tại nhà gửi xe của Viện KH&CNVN đến lúc về lấy lại (BTC sẽ trả tiền vé gửi xe!)  
7h: xe khởi hành đi cơ sở 2 của Học Viện KTQS tại Vĩnh Yên.  
8h30-11h30: Hội thảo và mừng Xuân Bính Tuất.  
11h30-12h30: ăn trưa.  
12h30-16h: tham quan Tam Đảo (những ai không đi Tam Đảo có thể ở lại tham quan Vĩnh Yên)  
16h: trở về Hà Nội từ Tam Đảo.  
18h30: Dự định về đến Hà Nội.

**Địa chỉ liên hệ:** chị Khổng Phương Thúy,  
Viện Toán học 18 Hoàng Quốc Việt Hà Nội  
Fax: 04 — 7564303 E-mail: [hthvn@math.ac.vn](mailto:hthvn@math.ac.vn)

**Hạn đăng kí cuối cùng:** Thứ năm, ngày 16/2/2006.

Hội viên Hội Toán học được tham dự miễn phí. Người nhà đi cùng: tối đa một người lớn và hai trẻ em, mỗi người lớn đóng 60.000đ, và mỗi trẻ em đóng 30.000đ lúc đăng kí.

BCH Hội Toán học trân trọng kính mời các hội viên, đặc biệt là các hội viên ở Hà Nội, tham gia Hội thảo và Buổi gặp mặt này. Để tạo điều kiện cho Ban tổ chức thuê xe và bố trí tiệc, đề nghị những ai có thể chắc chắn tham dự được mới đăng kí. Riêng đối với người nhà đi cùng, sau ngày 16/2/2006 mà rút lui thì BTC sẽ không hoàn lại số tiền đã đóng góp.

Rất mong sự có mặt của các quý vị.

**Lời mời này thay cho giấy mời riêng.**

BCH Hội Toán học Việt Nam

# BỐN MƯƠI NĂM LỚP CHUYÊN TOÁN ĐẦU TIÊN

Trần Văn Nhung (*Bộ Giáo dục và Đào tạo*)

Vào một ngày tháng 9 năm 1965 tôi đã may mắn nhận được giấy gọi vào học lớp chuyên Toán khóa 1, trường Đại học Tổng hợp Hà Nội (ĐHTH HN), do nhà Toán học, Giáo sư, Phó Hiệu trưởng Lê Văn Thiêm ký. Từ một vùng quê của huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, tôi đã về Hà Nội tập trung cùng các bạn mình thành một lớp gồm 38 học sinh và đã đi ngay lên khu sơ tán của trường ĐHTH HN tại huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái (ký hiệu lúc sơ tán là A<sub>0</sub>). Chúng tôi được triệu tập từ nhiều tỉnh, thành phố trên miền Bắc, trong đó có cả những học sinh miền Nam theo gia đình tập kết ra Bắc. Các bạn học cùng lớp với tôi nay đã trở thành các nhà khoa học, nhà giáo, nhà quản lý có uy tín, hoặc nhà kinh doanh thành đạt. Không ít người đã trực tiếp cầm súng ra trận chống Mỹ cứu nước và có người đã hy sinh.

Về lịch sử hình thành của Khối chuyên Toán ĐHTH HN, tôi được nghe kể lại rằng: ý tưởng đầu tiên về việc mở lớp chuyên toán này thuộc về GS. Hoàng Tụy, nguyên là Chủ nhiệm khoa Toán của Trường, trên cơ sở tham khảo cách làm của Liên Xô (cũ) và được sự ủng hộ mạnh mẽ của cố GS. Lê Văn Thiêm; cố GS. Ngụy Như Kon Tum, Hiệu trưởng; cố GS. Tạ Quang Bửu, Bộ trưởng Bộ ĐH và THCN và cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng, người mà khi còn sống luôn luôn quan tâm đến giáo dục, nói riêng là việc đào tạo học sinh giỏi. Lúc đầu, lớp này được gọi là “Lớp Toán đặc biệt”, sau được đổi thành “Lớp Toán dự bị”. (Nếu điều tôi nghe được trên đây có điều gì chưa thật chuẩn xác, mong bạn đọc thông cảm cho tôi, một học trò). Việc ra đời của lớp chuyên Toán đầu tiên này vào năm 1965, giữa lúc cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước của chúng ta bước sang giai đoạn vô cùng khốc

liệt trên cả hai miền Nam, Bắc, càng chứng tỏ thêm sự quan tâm to lớn đến giáo dục của Đảng, Nhà nước và Bác Hồ kính yêu. Hai năm sau khi ra đời của lớp chuyên Toán, trường ĐHTH HN, các lớp chuyên Toán tại trường ĐHSP Hà Nội, trường ĐHSP Vinh và một số nơi khác ở Hà Nội và địa phương đã ra đời, để từng bước sau 40 năm có được một hệ thống các trường, lớp chuyên ở bậc THPT, trong cả nước, không chỉ cho môn toán mà nhiều môn học khác. Cũng cần phải nói thêm rằng, mô hình và thiết kế lớp chuyên Toán (lớp Toán đặc biệt) đầu tiên, mặc dù còn rất bỡ ngỡ, nhưng cũng rất khoa học và chủ trương đào tạo học sinh khá toàn diện. Đương nhiên các môn toán như đại số, hình học, lượng giác, lôgic toán, toán học hữu hạn,... được dạy rất bài bản và nâng cao, chuyên sâu hơn so với mức phổ thông bởi các giáo sư, các nhà toán học trẻ tài ba lúc đó như: Hoàng Tụy, Phan Đức Chính (người nhiều năm dẫn các đoàn đi thi Olympic toán quốc tế), Hoàng Hữu Đường (đã mất), Nguyễn Thừa Hợp, Nguyễn Bắc Vãn, Lê Minh Khanh, Nguyễn Viết Phú, Nguyễn Duy Tiến, Đặng Hữu Đạo... Nhưng các môn học khác như lý, hóa, sinh, văn, sử, địa, triết học, ngoại ngữ,... cũng được các thầy cô giáo từ các khoa của Trường lúc đó ở khu sơ tán huyện Đại Từ, tỉnh Bắc Thái, sang dạy. Vì thế, không chỉ các môn toán mà kể cả các môn khác cũng được dạy đỡ rất toàn diện, nghiêm túc và sâu sắc bởi các chuyên gia có uy tín của Trường. Riêng kỹ năng thi cử về toán thì ngày ấy chúng tôi chưa được tôi luyện tốt như các đội tuyển Olympic toán quốc gia và quốc tế sau này.

Người thầy chủ nhiệm của chúng tôi ngày ấy là thầy Phạm Văn Điều (đã mất), nguyên là một học sinh miền Nam tập kết

ra Bắc, một con người rất tâm huyết và tận tụy với học trò. Khối phổ thông chuyên Toán-Tin (Khối CTT) có được thành tựu xuất sắc sau 40 năm phát triển là nhờ các bậc thầy tiền bối nói trên và nhờ sự tiếp nối của nhiều thế hệ các nhà quản lý của Trường, của các ban chủ nhiệm Khoa, các nguyên chủ nhiệm Khoa GS.TS. Phan Văn Hạp, GS.TS. Hoàng Hữu Như, GS.TSKH. Nguyễn Duy Tiến, PGS.TS. Phạm Trọng Quát, GS.TS. Đặng Huy Nhuận và Chủ nhiệm Khoa hiện nay GS.TSKH. Phạm Kỳ Anh, của các ban chủ nhiệm Khối, các thầy cô giáo, cán bộ công nhân viên và học sinh. Đó là TS. Phạm Tấn Dương, PGS.TS. Lê Đình Thịnh, GS.TSKH. Nguyễn Văn Mậu, Hiệu trưởng trường ĐHKHTN (ĐHQG HN), PGS. TSKH. Đặng Hùng Thắng (cả hai giáo sư này đã nhiều lần dẫn các đoàn học sinh đi thi Olympic toán quốc tế), TS. Nguyễn Vũ Lương, Chủ nhiệm Khối; các phó chủ nhiệm Khối: ThS. Phạm Văn Hùng và Lê Đình Vinh; các nguyên phó chủ nhiệm Khối: Đặng Thanh Hoa, ThS. Nguyễn Văn Xoa và Phạm Đăng Long; các thầy như TS. Nguyễn Xuân My, Phạm Quang Đức, Phan Cung Đức, ThS. Đỗ Thanh Sơn (học sinh chuyên toán Khóa 1), cùng nhiều thầy cô giáo toán và các môn học khác đã có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của Khối.

Thấm thoát thế mà đã 40 năm trôi qua (1965-2005), kể từ ngày thành lập lớp chuyên Toán đầu tiên tại Khoa Toán, trường ĐHTH HN, nay thuộc Khối CTT của Khoa Toán-Cơ-Tin học, Trường ĐHKHTN, ĐHQG HN. Cũng có thể xem đây là cái mốc đầu tiên của hệ thống các trường, lớp chuyên về toán, tin, lý, hóa, sinh, ngoại ngữ, văn,... ở bậc THPT trong cả nước, từ trung ương đến các địa phương, và nói riêng là các khối chuyên tại ĐHQG HN. Chủ trương sáng suốt và tầm nhìn xa này của Đảng và Nhà nước, của Bộ Giáo dục và Bộ Đại học và Trung học chuyên

nghiệp lúc đó (nay là Bộ GD&ĐT) là tiền đề tạo ra một nguồn nhân lực chuyên sâu có chất lượng cao với nhiều thế hệ học sinh, sinh viên và các nhà khoa học, nhà hoạt động xã hội, nhà quản lý, doanh nhân,... năng động, tài năng, đóng góp xứng đáng cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Việc ra đời hệ thống các trường, lớp chuyên này cũng góp phần trực tiếp nâng cao chất lượng và thành tích của các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (đã được khởi xướng từ năm 1961), của các đoàn học sinh giỏi Việt Nam tham gia các cuộc thi Olympic quốc tế từ năm 1974 cho đến nay về toán, tin, lý, hóa, sinh, ngoại ngữ,... Thật đáng tự hào với bảng thành tích đầy ấn tượng của các đoàn học sinh Việt Nam đi dự thi Olympic quốc tế ở các môn khác nhau. Riêng các đoàn Olympic Toán học Việt Nam đi dự thi quốc tế từ năm 1974 cho đến nay luôn được xếp (mặc dù không chính thức) vào top 10 (top ten) nước mạnh nhất trên thế giới. Đặc biệt là năm 2004, tròn 30 năm kể từ lần đầu tiên Việt Nam dự thi Olympic toán quốc tế, ta gửi 6 em đi dự thi tại Hy Lạp và đã giành được 4 Huy chương Vàng và 2 Huy chương Bạc. Kỳ lục này của đoàn Việt Nam chỉ sau các đoàn Trung Quốc, Nga và Mỹ. Cũng cần phải nói thêm rằng, Khối CTT và các khối chuyên khác của Trường ĐHKHTN (ĐHQG HN), là một trong những cơ sở đào tạo cung cấp nhiều học sinh tham gia các đoàn của Việt Nam đi thi Olympic quốc tế và giành được nhiều huy chương. Trong số các học sinh của Khối CTT giành được Huy chương vàng Olympic Toán quốc tế có TSKH. Ngô Bảo Châu (sinh năm 1972), GS. ĐH Paris Sud, người được trao Giải thưởng Toán học Clay 2004 cùng với GS. Pháp G. Laumon, vừa được đặc cách phong GS của Việt Nam năm 2005. Với truyền thống và thành tích xuất sắc của 40 năm trưởng thành và phát triển, trong năm 2005

Khối CTT đã được tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng 3 và danh hiệu Đơn vị Anh hùng thời kỳ đổi mới. Các thầy, cô giáo và học sinh chuyên toán từ trung ương đến các địa phương cũng là những bạn đọc và cộng tác viên rất nhiệt tình và đặc lực của Tạp chí “Toán học và Tuổi trẻ” (số đầu tiên ra đời vào tháng 10 năm 1964).

Trong 10 năm gần đây, khi tham gia vào các hoạt động hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo, tôi đã trực tiếp cùng các đoàn khách quốc tế và ASEAN về thăm Khối CTT và các trường, lớp chuyên ở các nơi khác và có dịp được trực tiếp nghe các ý kiến đánh giá rất tốt đẹp về chất lượng cao, về trình độ quốc tế của hệ thống đào tạo tài năng này của chúng ta. Một số nước ASEAN, Trung Đông và Châu Phi đã, đang và sẽ đến thăm, tham khảo kinh nghiệm của Việt Nam, gửi giáo viên, học sinh, sinh viên sang ta học tập, nhận tài liệu, sách giáo khoa và mời giáo sư, giáo viên của ta sang giảng dạy, làm chuyên gia. Đây là những tín hiệu tốt, nhưng để có thể đón nhận được những cơ hội mới, bản thân chúng ta cũng cần phải có sự chuẩn bị khẩn trương và nghiêm túc về trình độ tiếng Anh, tiếng Pháp, và sử dụng CNTT. Để có thể giảng dạy tốt, cần phải dịch và biên soạn được sách giáo khoa hiện đại bằng tiếng Anh, Pháp, cần phải dịch các tuyển tập bài thi và lời giải của các kỳ thi Olympic quốc gia, quốc tế, của Tạp chí “Toán học và Tuổi trẻ” gần nửa thế kỷ qua ra tiếng Anh, tiếng Pháp làm tài liệu tham khảo và để làm marketing.

Những việc làm trên đây cũng là để thiết thực góp phần chuẩn bị làm tốt vai trò nước chủ nhà Việt Nam đăng cai tổ chức Olympic Vật lý Châu Á (APhO5) 2004, Olympic Toán quốc tế (IMO) 2007, Olympic Vật lý quốc tế (IPhO) 2008 và nhiều cuộc thi quốc tế và khu vực khác.

Gần đây, khi trực tiếp chỉ đạo ĐHQG HN phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan khác xây dựng và triển

khai Dự án phát triển nhân tài KHCN, lãnh đạo, quản lý và kinh doanh, PGS. TS. Trần Đình Hoan, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư TW Đảng và TS. Phạm Gia Khiêm, Ủy viên TW Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ, cũng đã đánh giá rất cao bề dày thành tích và kinh nghiệm đào tạo của hệ thống các trường, lớp chuyên trong cả nước. Chủ trì Tiểu ban xây dựng Dự án này là GS.TSKH. Đào Trọng Thi, Ủy viên TW Đảng, Giám đốc ĐHQG HN, nguyên là học sinh chuyên Toán khóa 2 của Trường.

Khi ôn lại chặng đường 40 năm của Khối CTT, trường ĐHKHTN (ĐHQG HN), chúng ta tự hào và rút ra bài học kinh nghiệm cho việc đào tạo chất lượng cao ở bậc THPT, ĐH&SDH trong nhiều lĩnh vực, trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cạnh tranh mạnh mẽ hiện nay.

#### *Vài nét về tác giả*



*GS.TSKH. Trần Văn Nhung, Thứ trưởng Bộ GD&ĐT, đồng thời là Chủ nhiệm Bộ môn Toán Sinh, Khoa Toán-Cơ-Tin học, trường ĐHKHTN (ĐHQG HN). Ông là người theo học lớp chuyên toán đầu tiên. Bảo vệ Tiến sĩ năm 1982 và Tiến sĩ khoa học năm 1990 tại Viện Hàn lâm khoa học Hungari. Ông được phong Giáo sư (không qua PGS) năm 1992. Mặc dù bận bịu công tác quản lý nhà nước, ông luôn giành thời gian cho các hoạt động của Hội Toán học Việt Nam.*

**MỪNG ANH**

**NGUYỄN HỮU ANH**

**60 TUỔI<sup>1</sup>**

**Nguyễn Hữu Việt Hưng**

(ĐHKHTN, ĐHQG HN)

Tôi biết anh Nguyễn Hữu Anh 31 năm về trước trong một hoàn cảnh đặc biệt.

Tháng 10/1974, có một nhóm các nhà Toán học từ Pháp tới Hà Nội giảng về Lý thuyết kỳ dị và tai biến trong một tháng trời, bao gồm B. Malgrange, F. Phạm, A. Chenciner, và Lê Dũng Tráng. Để chuẩn bị cho hoạt động đó, cố Bộ trưởng Tạ Quang Bửu đã viết một bài dài trên báo Nhân Dân giới thiệu về lý thuyết này. Cần nói rõ rằng hồi đó Miền Bắc nước ta chưa có nhiều báo chí như bây giờ, và chỉ những bài chính thống vào bậc nhất mới được in trên báo Nhân Dân. Lúc ấy tôi đang học năm thứ tư trong khoá đào tạo thời đó gồm 4 năm rưỡi tại Khoa Toán ĐHTH Hà Nội. Lũ 3 đứa lớp tôi gồm Đặng Hùng Thắng, Đào Kiến Quốc và tôi được Khoa cho phép nghỉ học chính khoá suốt tháng 10 để đi nghe những bài giảng nói trên.

Ba người giảng chính là Malgrange, Phạm, và Chenciner nối tiếp nhau giảng bằng tiếng Pháp, mỗi người một giờ mỗi buổi sáng. Riêng Lê Dũng Tráng thỉnh thoảng bổ sung một bài giảng, anh cố gắng nói bằng tiếng Việt, dù lúc đó tiếng Việt của anh chưa được trôi chảy như về sau này. Người nghe ngồi chật cả một phòng lớn ở tầng 3 tòa nhà chính ĐHBK Hà Nội. Lúc ấy, không mấy người nghe được tiếng Pháp, nên chúng tôi cần phiên dịch. Hai phiên dịch thay phiên nhau, một là GS Đoàn Quỳnh và người thứ hai còn rất trẻ

và lạ, tên là Nguyễn Hữu Anh, tiến sĩ được đào tạo tại Mỹ mới về nước, làm việc tại ĐHBK Hà Nội.

Anh Nguyễn Hữu Anh nói tiếng Pháp (và, như sau này tôi được biết, cả tiếng Anh nữa) rất trôi chảy với một ngữ điệu đẹp. Khó khăn mà anh ít nhiều gặp phải lúc bấy giờ chính là phần tiếng Việt, lý do là vì các nhà toán học ở hai miền nước ta trong một thời gian dài trước năm 1975 đã dùng những thuật ngữ toán học rất khác nhau. Chẳng hạn, *Không gian tô pô* (miền Bắc) cũng được kêu bằng *Đồ hình vị tương* (miền Nam), *Không gian tô pô compact địa phương* là *Đồ hình vị tương áp súc cục bộ*, *Môđun* được kêu bằng *Gia quân*, *Môđun con* là *Tiểu gia quân*... (Chữ này thật khó cho những người nói giọng Hà Nội như tôi.)

Sau tháng 10/1974, được khích lệ bởi loạt bài giảng nói trên, ở Hà Nội trong một thời gian dài có một xêmina do các giáo sư Đoàn Quỳnh, Hoàng Hữu Đường, Phạm Ngọc Thao, Phan Đức Chính, Nguyễn Hữu Anh... chủ trì. Xêmina làm về một số vấn đề hiện đại của toán học: Nhóm Lie và Đại số Lie, Lý thuyết biểu diễn, Hình học Riemann toàn cục, Lý thuyết kỳ dị... Trong xêmina, tôi có nhiều thời gian hơn để nói chuyện với anh Nguyễn Hữu Anh. Tôi được biết anh đã học đại học tại Sài Gòn (1963-66), nơi anh chịu nhiều ảnh hưởng của GS Đặng Đình Áng, lấy bằng tiến sĩ tại University of California, Los Angeles (UCLA) (1967-69) dưới sự hướng dẫn của GS D. Babbitt (ông này trong nhiều năm làm Tổng biên tập tạp chí *Pacific J. Math.*), rồi làm postdoct tại Princeton (1969-71) với GS Harish Chandra, sau đó anh tiếp tục làm postdoct một thời gian ở Queen's University, Canada (1971-73) trước khi về nước năm 1974, lúc anh 29 tuổi.

<sup>1</sup> Bài nói tại Hội nghị Đại số-Hình học-Tô pô toàn quốc, Tp Hồ Chí Minh 25-28/11/2005



Anh Nguyễn Hữu Anh và vợ, chị Lê Thị Thu (giữa), cùng GS. Lê Văn Thiêm (phải) và bè bạn (Hồ Trúc Bạch, Hà Nội, 02/1976).

Sinh viên ĐHBK Hà Nội hồi đó truyền tai nhau rằng thầy Nguyễn Hữu Anh thường gặm bánh mì ngay trong phòng thi, để hỏi thi thông tâm từ sáng đến tối. Rất nhiều sinh viên bị thầy đánh trượt.

GS Đặng Đình Áng và nhiều người từng ở ĐH Khoa học Sài Gòn đánh giá anh Nguyễn Hữu Anh ngày xưa là sinh viên xuất sắc nhất của Khoa Toán này trong suốt mấy chục năm. Trong thời gian làm nghiên cứu sinh ở UCLA không phải anh Anh đã tham gia phản chiến ngay từ đầu. Nhưng dần dần, chính hệ thống truyền thông của nước Mỹ đem cuộc chiến tranh Việt Nam tới từng đầu giường ngủ đã đưa anh đến với phong trào phản chiến. Ngày ngày tivi Mỹ đặc tả những trận càn, xóm làng miền Nam Việt Nam tan hoang, lính Mỹ và lính Sài Gòn cứ chiều tối lại ôm còng trực thăng bỏ chạy... Thế rồi anh Anh xuống đường với phong trào phản chiến. Tôi đã thức nhiều đêm ở Berkeley để nghe một người bạn của anh trong phong trào sinh viên phản đối chiến tranh Việt Nam,

anh Đoàn Hồng Hải, kể về những năm tháng hào hùng của các anh.

Rời bỏ nước Mỹ, đất nước có mức sống rất cao và nền khoa học hàng đầu thế giới, để về Việt Nam, mà về Hà Nội khi đất nước còn chia cắt, chứ không phải Sài Gòn, nơi anh sinh ra và lớn lên, anh Nguyễn Hữu Anh đã có những quyết định mà chắc chắn bất kỳ ai cũng không thể chọn lựa một cách dễ dàng. Tôi thấy anh Nguyễn Hữu Anh có một cuộc đời không bằng lặng. Vậy mà anh dường như không có gì phải dằn vặt, lúc nào cũng hồn nhiên, hồ hởi, chân thành. Anh như một ngọn nến bình thản cháy mà tôi và nhiều bạn bè cùng thế hệ thường nhìn vào để bình tâm lại mỗi khi chúng tôi phải vật lộn với những sự chọn lựa.

Khi còn sống độc thân ở ĐHBK Hà Nội, anh Nguyễn Hữu Anh được phân căn gác lửng ở tầng một-rưỡi một toà nhà gần sân vận động của trường (Đông Dương học xá cũ). Đó là căn gác rộng chừng 8-9 mét



Nguyễn Hữu Anh về nước đúng ngày sinh của anh 07/04/1974 (sân bay Montreal).

vuông, ở chiều nghỉ cầu thang nằm giữa tầng một và tầng hai. Một vài lần tôi đã tới thăm anh ở căn gác đó. Nhưng khi ấy tôi chưa biết ở những nước phát triển thì người ta thường sống trong những chỗ như thế nào, cho nên tôi cũng không biết rằng sống như thế là bình thường hay là phi thường. Chính trong căn gác đó, anh Nguyễn Hữu Anh đã viết bài báo mà sau này được in trên *Ann. Math.*. Đó là tạp chí toán học số 1 trên thế giới. Và bài báo của anh Nguyễn Hữu Anh cho tới nay vẫn là bài duy nhất của một người Việt viết trong lúc đang sống và làm toán trong nước, được in trên *Annals*. (Có một thực tế là tạp chí này thường ít khi đăng bài của những người chưa từng ở Princeton và không có quan hệ chuyên môn khăng khít với một giáo sư nào có thế lực ở đó.) Chúng ta đã có dịp bàn về chất lượng và số lượng trong khoa học. Chỉ xin nhắc lại một sự thật hiển nhiên là chất lượng chứ không phải số lượng của các công trình chính là cái tạo nên đẳng cấp của một nhà toán học, và rộng ra, tạo nên diện mạo của một nền toán học. Hãy tự hỏi lòng mình xem nếu được quyền chọn lựa giữa một bên là làm tác giả của một trong những bài thơ

như *Hoàng hạc lâu* (Thôi Hiệu), hay *Đề đờ thành Nam trang* (Thôi Hộ), hay *Phong kiều dạ bạc* (Trương Kế) với một bên là làm tác giả của cả một tập thơ dày cộp vẫn thường được in ra sau những cuộc thi thơ gần đây thì ta sẽ chọn cái gì.

Năm 1978, anh Nguyễn Hữu Anh cùng gia đình chuyển vào Sài Gòn. Trong nhiều năm anh làm Chủ nhiệm Bộ môn Đại số, Chủ nhiệm khoa Toán ĐHKHTN Tp. Hồ Chí Minh, và hiện nay là Chủ tịch Hội Toán học Tp. Hồ Chí Minh. Cá nhân tôi tin rằng một người có trình độ cao, hiểu biết tường tận về lối đào tạo theo chúng chỉ của Mỹ và có quan hệ quốc tế rộng rãi như anh Nguyễn Hữu Anh nếu được đặt vào cương vị Hiệu trưởng sẽ rất có lợi cho trường đại học ấy.

Trong những năm 1980, anh nhiều lần được đồng nghiệp mời sang Mỹ trao đổi khoa học. Lúc đầu thì phía Việt Nam không cho anh đi, nguyên do là vì anh có một bà chị di tản sang Mỹ. Về sau, khi phía Việt Nam cho anh đi thì phía Mỹ lại không cấp visa, bởi vì họ vẫn còn “ghi sổ đen” những hoạt động phản chiến của anh. Mãi sau này, nhờ có một Thượng nghị sĩ Mỹ can thiệp,



Nguyễn Hữu Anh (đứng thứ 3 từ phải) và đồng nghiệp  
tại Hội nghị Đại số - Hình học – Tô pô toàn quốc, Đà Lạt 11/2003.

anh mới có những chuyến trở lại trao đổi khoa học với các đồng nghiệp Mỹ.

Nhân những lúc trà dư tửu hậu mà chuyện phiếm, một số anh em ở ĐHTH Hà Nội (cũ) chúng tôi thường ví các nhà toán học với rượu, một sự so sánh đầy kiêu hãnh. Rượu là thứ thú vị bậc nhất trên đời này. Đó là sự pha trộn không biên giới của nước và lửa, của ngọt ngào và cay đắng, hạnh phúc và khổ đau. Trong ví von đó, các nhà toán học Việt Nam chủ yếu thuộc về hai dòng: Toán học Quốc doanh và Toán học Quốc lủi. Rượu Quốc doanh do nhà nước sản xuất, có tính “*chính thống*”, với nhãn mác qui chuẩn; còn rượu Quốc lủi (dân Miền Nam gọi là rượu đế) do nhân dân nấu trộm, nên nó “*dân dã*”, và cũng vô danh như nhân dân vậy. Chữ Quốc lủi còn đồng âm với Cuộc lủi, tên một loài chim đây nổi niêm thường lẫn trốn rất nhanh. (“*Nhớ nước đau lòng con cuộc cuộc.*” — Bà Huyện Thanh Quan). Đáng tiếc là ngày nay các nhà toán học quăng dưới 40 tuổi nói chung không còn hiểu nghĩa các chữ Quốc doanh và Quốc lủi cùng hoàn cảnh ra đời của những khái niệm này.

Mấy anh em dòng Toán học Quốc lủi chúng tôi mạn phép cho rằng anh Nguyễn Hữu Anh cũng thuộc dòng toán học này. Không biết anh Anh có chia sẻ ý tưởng này và lượng thứ cho sự tếu táo của chúng tôi hay không?

Mới đó mà anh Anh đã 60 tuổi. (Anh sinh ngày 7/4/1945.) Đạo đầu năm, tôi nghĩ rằng trong năm nay tôi sẽ không có đủ thời gian để viết về những kỉ niệm với anh. Tôi tự an ủi là tôi đã có một bài báo với lời mừng thọ anh in trên *Trans. Amer. Math. Soc.* 357 (2005), 4065-4089. Năm nay tôi bận và mệt quá, vì phải làm nhà. Hơn 50 tuổi mà còn để vợ con phải sống trong một căn nhà cấp 4, tôi tự thấy mình có tội. Trong câu thơ Xuân Sách viết về Hữu Loan, tác giả của “*Màu tím hoa sim*”: “*Cho đến khi tóc bạc da môi / Chua làm được nhà, còn bận làm người*” tôi như thấy có một phần cuộc đời mình. Nhưng khi năm 2005 sắp hết, tôi tự thấy không thể yên lòng nếu không viết bài này.

Anh Nguyễn Hữu Anh là một người sành ăn và sành rượu vang. Khổ một nỗi, ngày nay ở nước ta các thứ vang nổi tiếng, như Bordeaux chẳng hạn, thường bị làm

giả. Anh Anh có lần nói đùa: “Khi các em mang rượu vang ra thì phải sờ đít ngay, đít bằng thì dỏm đít lõm thì nghiêm” Đó là cái đít chai rượu. Nhưng ngay cả cách chọn rượu rất tài hoa đó cũng nhiều khi không giúp người ta tránh được rượu rôm. Vì thế mà một năm đôi lần anh Nguyễn Hữu Anh và tôi gặp nhau, chúng tôi thường tránh những loại vang đã được xem

là có mác chuẩn, mà dùng vang California, vang Chilê... Những thứ vang quê kệch này còn vô danh, cho nên không bị làm giả. Anh Anh còn nhớ cái chai vang đỏ Chilê mà anh em mình uống ở quán Hot Rock không? Đậm chất vị nắng Chilê dân dã phải không anh?

Hà Nội, mùa nắng hanh 2005.

## Tưởng nhớ Phạm Anh Minh<sup>2</sup>

Nguyễn Hữu Việt Hưng (ĐHKHTN, ĐHQG HN)

Trong kháng thời gian từ hội nghị Đại số-Hình học-Tôpô lần trước (Đà Lạt 2003) tới hội nghị Đại số-Hình học-Tôpô lần này (Tp. Hồ Chí Minh 2005) chúng ta nhận một tin buồn: PGS. TSKH Phạm Anh Minh, một nhà toán học tài năng, một nhà giáo tâm huyết, đã đột ngột vĩnh biệt chúng ta. Anh sinh ngày 23/4/1960 và lớn lên tại Huế, mất ngày 23/10/2004, hưởng thọ 44 tuổi và 6 tháng tròn. Lễ tang của anh cử hành ngày 28/10/2004. Tin Phạm Anh Minh qua đời đã được tôi thông báo ngay trong vài ngày sau đó cho TopList, một Email Group của hơn 600 người làm Tôpô đại số trên toàn thế giới.

Phạm Anh Minh nhận học vị tiến sĩ tại ĐHTH Hà Nội năm 1990 dưới sự hướng dẫn của GS Huỳnh Mùi, nhận học vị TSKH tại Đại học Paris 13 năm 2004, anh được phong PGS năm 2002.

Lĩnh vực nghiên cứu của Minh là Tôpô đại số, cụ thể là đối đồng điều của các nhóm hữu hạn. Minh làm việc với một cường độ khủng khiếp, dường như anh ý thức được rằng thời gian không đợi anh. Xin nhắc lại rằng: Bộ Giáo dục và Đào tạo nước ta quy định số giờ chuẩn của một giảng viên chính là 290 giờ/năm, tức là 9,67 giờ/tuần, chưa kể những việc vặt như coi thi, chấm thi, họp hành... ở những thành phố nhỏ như Huế, số giờ thực tế mà một giảng viên được phân công thường vượt xa số giờ chuẩn. Vậy mà, trong khoảng thời gian hơn 15 năm, Minh đã công bố 34 bài báo trên các tạp chí quốc tế được Math. Reviews ghi nhận. Đó quả là một sức làm việc ghê gớm. Tất nhiên, Minh không phải là người chỉ chăm chăm đếm số bài, cái mà anh hướng tới là chất lượng của những công bố. Có lần, thấy Minh công bố được tới 5 bài trong một năm, tôi chúc mừng Minh, nhưng kèm theo một lời cảnh tỉnh: “*Cậu cẩn thận, có thể số lượng bài như thế báo hiệu một sự xuống dốc về chất lượng*”. Minh trầm ngâm, rồi đáp: “*Anh nói đúng. Thật ra, 5 bài này em viết trong mấy năm khác nhau, do thời gian biên tập ở các tạp chí khác nhau mà tình cờ dồn lại. Chứ em không viết nhiều thế này*”.

---

<sup>2</sup> Bài nói tại Hội nghị Đại số-Hình học-Tôpô toàn quốc, Tp Hồ Chí Minh 25-28/11/2005

Trong những năm cuối đời, Minh làm việc chủ yếu trên vấn đề độ lũy linh của đối đồng điều thực chất của nhóm hữu hạn, với công cụ chủ yếu là Lý thuyết bất biến và dãy phổ Serre. Có thể nói việc sử dụng nhuần nhuyễn bất biến modular đã tạo nên thế mạnh của Minh trong nghiên cứu, khiến anh trở thành một chuyên gia trong lĩnh vực này. Đối đồng điều thực chất (Essential Cohomology) còn có thể được gọi là Mùi Cohomology, do công lao khai phá và do những giả thuyết còn gợi hứng cho tới hôm nay của GS Huỳnh Mùi. Minh là đồng tác giả với rất nhiều người (Green, Hung, Kahn, Mùi, Symond, Trí, Walker...). Như một sứ giả tình nguyện của đất nước mình, Minh bảo vệ lòng tự hào dân tộc đôi khi tới mức cực đoan. Minh đã kể cho tôi câu chuyện sau đây. Có lần khi Minh đang cùng một đồng nghiệp nước ngoài chuẩn bị bài viết chung, người này đề nghị ký hiệu bất biến Mùi không phải bởi chữ  $V_n$  như trong bài báo gốc của GS Mùi. Minh nói: *“Hoặc là anh đồng ý dùng chữ  $V_m$ , hoặc là chúng ta sẽ không viết bài này nữa”*. Người kia hỏi vì sao cứ nhất thiết phải dùng ký hiệu đó. Minh kể lại chuyện GS Mùi trong những năm tháng ở xa tổ quốc đã chọn chữ  $V_n$ , viết tắt của Việt Nam, để ký hiệu bất biến mà ông tìm ra. Anh bạn đồng nghiệp nước ngoài của Minh từ đó không bao giờ đòi đổi ký hiệu này nữa. Câu chuyện kể trên ghi nhận tấm lòng của Minh đối với Tổ quốc. Đáng tiếc là mấy ai hiểu được những tấm lòng như thế, thường tồn tại trong những cá tính gai góc, đáng quý biết bao nhiêu so với những kẻ trơn tuột, chỉ quen hô khẩu hiệu đầu lưỡi.

Phạm Anh Minh là một nhà nghiên cứu ở đẳng cấp quốc tế. Những công trình sâu sắc của anh được biết tới và được đánh giá cao trong cộng đồng Tôpô đại số trên thế giới. Anh ra đi giữa lúc tài năng đang độ chín. Khoảng trống mà anh để lại ở Huế cũng như trong nhóm Tôpô đại số của Việt Nam thật lớn, không biết khi nào mới được lấp đầy.

Câu chuyện mà tôi sắp kể sau đây thật lạ lùng.

Vài tuần trước đây, một hôm đi ăn cơm trưa về, nhìn từ xa tôi bỗng thấy cạnh máy đun nước gần Bộ môn Đại số-Hình học-Tôpô ĐHKHTN Hà Nội chúng tôi một người đang uống nước, dáng xương xương, cao và gầy, kính gọng đen, áo cộc tay trắng bỏ trong quần bò. Tôi giật mình: giống Phạm Anh Minh quá. Tôi tìm Phó Đức Tài, một tiến sĩ trẻ gốc Huế trong bộ môn chúng tôi. Tài nhìn theo hướng tay tôi chỉ, lúc đó người kia đã đi tới cuối hành lang. *“Vâng giống quá - Tài nói - sắp đến giờ đâu anh Minh chưa nhỉ?”* Tôi bảo: *“Dịp này đây”*. Tài lại hỏi: *“Hay hôm nay là ngày giỗ anh Minh?”* Tôi như chợt tỉnh, liền gọi điện ngay cho Nguyễn Gia Định, bạn cùng lớp ở Huế với Phạm Anh Minh. Tôi hỏi: *“Định ơi, sắp tới giờ đâu của Minh chưa?”* Định trả lời: *“Hôm nay đây anh ạ. Chiều nay dạy xong em sẽ xuống nhà Minh thắp hương.”* Tôi chết lặng người. Tôi bảo Định: *“Hãy thay mặt mình thắp một nén nhang cho Minh, và kể cho vợ con Minh nghe câu chuyện này”*.

Trên đời có người tin, có người không tin vào tâm linh. Riêng tôi, tôi tin rằng Phạm Anh Minh đã về thăm chúng tôi vào ngày giỗ đầu của anh.

Được sự uỷ nhiệm của Ban Tổ chức và Ban Chương trình Hội nghị, tôi đề nghị các quý vị đại biểu dành một phút mặc niệm PGS. TSKH. Phạm Anh Minh.

Sài Gòn, 26/11/2005

## Giới thiệu các giải thưởng Fields và Abel

Phạm Trà Ân (Viện Toán học)

### LAURENT LAFFORGUE



Laurent Lafforgue sinh ngày 6 tháng 11 năm 1966 tại Antony thuộc vùng Hauts-de-Seine của nước Pháp. Ông học đại học tại Trường École Normale Supérieure, cái nôi đào tạo nhân tài khoa học cho nước Pháp và tốt nghiệp năm 1986.

Năm 1990 Ông là nghiên cứu viên của Trung tâm Nghiên cứu Khoa học Quốc gia Pháp (CNRS), trong nhóm nghiên cứu về Số học và Hình học đại số, đặt tại khoa Toán của Đại học Paris-Sud, Orsay. Năm 1994 Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ với đề tài “D-Chtoucas de Drinfeld” dưới sự hướng dẫn của GS Gerard Laumon, cũng công tác tại CNRS, (GS Gerard Laumon cũng là thầy của anh Ngô Bảo Châu, xem thêm bài giới thiệu về G. Laumon và N. B. Châu trong TTHH tập 8, số 3(2004)). Luận án của Ông đã được đánh giá cao và được trao Giải thưởng Peccot của Collège de France và sau đó Ông được mời báo cáo tại Hội nghị Toán học Thế giới, Berlin, Đức, năm 1998.

Năm 2000 Ông được phong Giám đốc nghiên cứu của CNRS. Tháng 11 cùng năm, Ông được mời làm Giáo sư Thường trực của IHES, nhưng vẫn giữ chân Giám đốc nghiên cứu tại CNRS (xem thêm bài giới thiệu về IHES, TTHH tập 9, số 3(2005)).

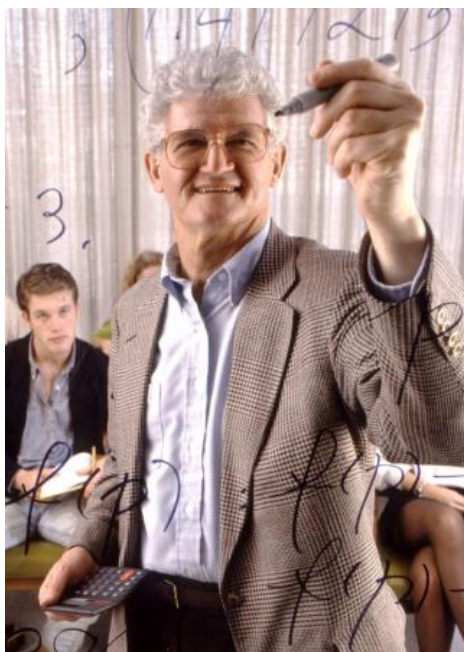
Laurent Lafforgue đã thiết lập được các tương ứng Langlands (xem thêm bài Chương trình Langlands trong TTHH, tập 9, số 3 (2005)) cho lớp trường hàm, rộng hơn nhiều so với lớp các tương ứng đã được biết trước đó. Các tương ứng này kết nối các tính chất số học với các tính chất giải tích của một nhóm đặc biệt các biểu diễn có tên gọi là các biểu diễn tự đẳng cấu. Điều này đã được Robert Langlands phát biểu dưới dạng một tập hợp các giả thuyết trong một bức thư gửi André Weil năm 1967. Với rank 1, giả thuyết này chính là “lý thuyết trường-lớp” cổ điển của Emil Artin. Với rank 2 và với các trường số, chứng minh giả thuyết của Ramanujan bởi Pierre Deligne và chứng minh giả thuyết của Artin, ngoại trừ một trường hợp riêng, là các bước tiến quan trọng đầu tiên khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết Langlands.

Đóng góp quan trọng của Laurent Lafforgue là đã chứng minh được tương ứng Langlands cho trường hàm và với rank là bất kỳ. Để giải quyết vấn đề này, Laurent Lafforgue đã phải tập trung mọi nỗ lực cố gắng trong hơn 6 năm, trong đó có 2 năm làm việc tại IHES. Các kết quả của Laurent Lafforgue đánh dấu một bước tiến bộ đáng kể trong việc chứng minh tương ứng Langlands, và với kết quả này

Ông đã nhận được giải thưởng Fields năm 2002 của LĐTHTG.

Giờ đây Laurent Lafforgue đang ở vào “độ chín” của tài năng sáng tạo và mới có thêm một học trò rất giỏi người Việt Nam, anh Ngô Đắc Tuấn, thủ khoa École Polytechnique (ĐH Bách khoa của Pháp). Hy vọng cặp Thầy-Trò mới này sẽ tạo thành “Một cặp bài trùng” và biết đâu họ lại chẳng giành thêm một huy chương vàng Fields nữa trong tương lai?

## PETER D. LAX



Peter D. Lax sinh ngày 1 tháng 5 năm 1926 tại Budapest, Hungary. Năm 1941 Ông cùng cha mẹ đến Mỹ nhập cư.

Peter Lax bảo vệ luận án Tiến sĩ Toán năm 1949 tại ĐH New York dưới sự hướng dẫn của GS Richard Courant. Chính R. Courant là người đã sáng lập ra Viện Toán học tại ĐH New York, sau này Viện được mang tên Viện Toán Courant và

Peter Lax đã từng là viện trưởng Viện Toán Courant từ 1972-1980. Từ năm 1951 P. Lax bắt đầu làm việc tại ĐH New York và tại Viện Toán Courant. Năm 1958 Lax được phong GS và được cử làm Giám đốc Trung tâm Toán ứng dụng và Tính toán của ĐH New York.

Peter Lax là một trong số các nhà toán học lý thuyết và ứng dụng lớn của thời đại chúng ta. Ông đã có những đóng góp rất quan trọng trên lĩnh vực Phương trình đạo hàm riêng và ứng dụng chúng vào Công nghệ. Tên tuổi của Ông gắn liền với các kết quả toán học và các phương pháp số quen biết như Bổ đề Lax-Milgram, Định lý Cân bằng Lax, Sơ đồ Lax-Friedrichs, Sơ đồ Lax-Wendroff, Điều kiện Entropy Lax và Định lý Lax-Levermore.

Peter Lax là một trong số những người sáng lập ra ngành Toán học tính toán hiện đại. Ông cũng là người có những đóng góp quan trọng trong lĩnh vực Tính toán hiệu năng cao. Ông là chủ tịch Ủy ban Tính toán “large scale” (quy mô lớn) trong Khoa học và trong Toán học thuộc Ủy ban Khoa học Quốc gia Mỹ.

Peter Lax đã được trao tặng nhiều phần thưởng khoa học cao quý. Năm 1986 Ông được trao tặng Huân chương Quốc gia về Khoa học. Năm 1987 Ông nhận Giải thưởng toán học Wolf. Năm 1974 Ông được Giải thưởng Chauvenet và năm 1992 Giải thưởng Steele của Hội Toán học Mỹ. Năm 1975 Ông nhận Giải thưởng Nobert Wiener, giải thưởng chung của Hội Toán học Mỹ và của Hội Toán học Công nghiệp và Ứng dụng Mỹ (SIAM).

Peter Lax đã từng là Phó Chủ tịch (1969-1971) và Chủ tịch Hội Toán học Mỹ (1977-1980).

Peter Lax còn là một nhà giáo xuất sắc. Ông nổi tiếng là nhà khoa học có nhiều sinh viên theo học. Ông cũng được biết đến như là một nhà cải cách giảng dạy

toán học một cách không mệt mỏi. Nhiều sách toán ông viết, nay đã trở thành tài liệu “chuẩn” của nhiều chương trình giảng dạy khác nhau trên thế giới. Ông được bạn bè đồng nghiệp coi như là người đi đầu trong việc sử dụng máy tính vào công tác nghiên cứu và giảng dạy Toán học.

Peter Lax rất có cảm tình với Việt nam. Ông đã nhận lời tham dự Hội nghị Quốc tế lần thứ hai về Giải tích trừu tượng và ứng dụng (ICAASS), tổ chức tại Quy Nhơn, đầu tháng 6 năm 2005. Nhưng sau vì thời gian này Ông cần có mặt tại Oslo, Na-Uy, để nhận Giải thưởng Abel-2005, (xem Tin Toán học Thế giới, TTTH tập 9 số 2(2005)), vì vậy Ông đã không thể tham dự được Hội nghị Quy Nhơn. Sau Hội nghị, Ông đã viết thư cho GS Nguyễn Minh Chương, Trưởng Ban Chương trình Hội nghị: “Tôi lấy làm tiếc là đã không thể tham dự Hội nghị Quy Nhơn. Tôi vui mừng khi được biết Hội nghị đã rất thành công. Tôi đồng ý nhận lời tham gia Ban Biên tập Tập Công Trình Hội nghị”. Thêm một Nhà khoa học lớn nữa đến với Việt Nam!

## LỜI BÌNH

Laurent Lafforgue nhận Giải thưởng Fields năm 2002. Peter Lax nhận Giải thưởng Abel năm 2005. Giải thưởng Fields 4 năm mới có một lần, vì vậy Lafforgue và Lax là những người nhận giải thưởng Fields và Abel gần đây nhất. Do đó việc đặt hai Nhà Toán học này bên cạnh nhau là một thực tế có ý nghĩa.

L. Lafforgue sắp bước vào tuổi 40 còn P. Lax đang ở độ tuổi hai lần của 40.

Công trình của L. Lafforgue tuy xuất sắc nhưng còn ít.

Công trình của P. Lax vừa xuất sắc vừa nhiều. Thành tích khoa học của Ông rất đầy.

L. Lafforgue như một cây tre đang độ trưởng thành, hứa hẹn tương lai còn phát triển.

P. Lax như một cây đa cổ thụ, đang lặng lẽ tỏa bóng mát khắp bốn phương trời.

Đó là các khác biệt giữa Lafforgue và Lax, đã tạo nên sự khác biệt giữa Giải thưởng Fields và Giải thưởng Abel?

Một cách hình ảnh hơn, nếu bạn hình dung Huy chương vàng Fields tương tự như Huy chương vàng Vô địch bóng đá Olympic, thì Huy chương vàng Abel sẽ tương tự như Huy chương vàng Vô địch bóng đá Thế giới vậy\*. Mà như mọi người đều biết, Đội tuyển Olympic và Đội tuyển quốc gia có các vai trò, vị trí khác nhau, trong chiến lược xây dựng một nền bóng đá mạnh của mỗi quốc gia, nào ai dám nói đội tuyển nào là quan trọng hơn đội tuyển nào?

Ngược lên bầu trời Toán học, ta thấy cả hai ngôi sao Fields và Abel cùng đang tỏa sáng ... , và đâu đó ta nghe vọng lại có tiếng thì thầm ... “Xin cảm ơn đất nước Na Uy đã sinh ra thiên tài Abel! Xin cảm ơn nhân dân Na Uy vì lòng rộng rãi cao cả của Người! Xin cảm ơn các Nhà Toán học Na Uy đã “sáng tạo” ra Giải thưởng Abel sao mà đúng chỗ đến vậy!“...

Ta tự hỏi phải chăng tiếng thầm thì đã đến từ tinh không xa lắc hay là đã bật ra từ trong sâu thẳm của chính trái tim ta?

---

\* Đây là suy nghĩ riêng của tác giả. Thực tế người ta đang đặt câu hỏi giải nào giá trị hơn và chưa ai dám trả lời. Chỉ có thời gian mới cho ta phán quyết chính xác.

## *Nhìn ra Thế Giới*

### CÁC TRUNG TÂM TOÁN HỌC XUẤT SẮC CỦA THẾ GIỚI THỨ BA

Để ngăn cản sự chảy “chất xám” từ các nước thuộc Thế giới thứ Ba sang các nước công nghiệp phát triển, Viện Hàn lâm Thế giới Thứ Ba (TWAS) phối hợp với Ủy ban Văn hoá-Khoa học của Liên hợp quốc (UNESCO), bắt đầu từ năm 1994, tổ chức triển khai “TWAS-UNESCO Chương trình liên kết các trung tâm khoa học xuất sắc của Thế giới Thứ Ba”. Chương trình gồm các điểm chính sau đây:

- Mỗi ngành khoa học, TWAS sẽ chọn lấy khoảng 10-15 trung tâm xuất sắc về chuyên môn.
- Các trung tâm này liên kết với nhau thông qua Viện Hàn lâm Thế giới Thứ Ba, sẵn sàng đón nhận các nhà khoa học từ các nước đang phát triển, qua sự tuyển chọn và giới thiệu của TWAS, đến học tập, thực tập và nghiên cứu tại Trung tâm của mình với thời gian là 3 tháng (có thể xé lẻ thành 2-3 đợt).
- Chi phí đi lại do Quỹ Phát triển quốc tế của OPEC (Các nước xuất khẩu dầu lửa) tài trợ. Nước chủ nhà tài trợ tiền ăn ở và chi phí nghiên cứu, học tập tại Trung tâm của mình.

Đã có khoảng 100 Trung tâm khoa học xuất sắc, gồm đủ các ngành, tham gia Chương trình này.

Riêng đối với ngành Toán học, Viện Hàn lâm Thế giới Thứ Ba đã chọn được 16 Trung tâm xuất sắc, trong đó có Viện Toán học (Hà Nội) để tham gia chương trình này. Dưới đây là danh sách 16 Trung tâm Toán học xuất sắc đã được TWAS chọn, xếp theo vần chữ cái của tên nước :

1. Khoa Toán, ĐHQG Cordoba, Argentina.
2. Trung tâm nghiên cứu Toán-Lý, ĐH Chittagong, Bangladesh.
3. Viện Toán-Thống kê-Tính toán Khoa học, ĐHQG Campinas, Brazil.
4. Viện Toán lý thuyết và ứng dụng (IMPA), Brazil.
5. Viện Toán học thuộc Viện Hàn lâm Trung Quốc.
6. Viện Toán học thuộc ĐH Nankai, Trung Quốc.
7. Viện nghiên cứu Toán học, Côte d'Ivoire.
8. Khoa Toán, Viện Khoa học Ấn Độ, Bangalore, Ấn Độ.
9. Viện Thống kê An độ, Kolkata, Ấn Độ.
10. Viện Thống kê An độ, New Delhi, Ấn Độ.
11. Trường Toán, Viện Nghiên cứu cơ bản Tata, Ấn Độ.
12. Trường Toán Chennai, Ấn Độ.
13. Viện Toán ĐHQG Mexico.
14. Khoa Toán ĐH Ibadan, Nigeria.
15. Khoa Toán ĐH Nigeria, Nigeria.
16. Viện Toán học (Hà Nội), Việt Nam.

Chú ý thêm rằng Viện Toán học (Hà Nội) là *viện nghiên cứu duy nhất ở Việt Nam* được chọn, và cũng là *Viện Toán học duy nhất ở khu vực Đông Nam Á* được chọn. Đây là một vinh dự và cũng là một trách nhiệm của Việt Nam đối với các nước chậm phát triển. Từ năm 1994 đến nay, Viện Toán học của chúng ta đã luôn luôn làm tròn trách nhiệm này.

## *Tin Toán học Thế giới*

### **CHÙM TIN VỀ LỄ TRAO GIẢI ABEL 2005**

- Lễ trao giải Abel-2005 đã được tổ chức trọng thể tại ĐH Aula, Oslo, ngày 24 tháng 5 năm 2005. Thái tử Regent và Hoàng hậu đã đến dự và trao giải cho Peter Lax.

- Ngày 25 tháng 5 năm 2005, Peter Lax đã trình bày “Abel Lecture” (Bài giảng Abel) tại ĐH Oslo. “Abel Lecture” là bài giảng đặc biệt do chính người đã đoạt giải Abel năm đó đích thân trình bày. Ngoài ra còn có ba nhà toán học khác, Sebastian Noelle, CMA Oslo/RWTH Aachen, Peter Sarnak, Princeton University và Stephanos Venakides, Duke University đã trình bày 3 báo cáo giới thiệu các công trình của P. Lax. Đã có khoảng 200 người đã tham dự các bài giảng này. Các bài giảng đã được quay phim và độc giả có thể xem lại các bài giảng này trên trang Web của Ban giải thưởng Abel.

- Ngày 26 tháng 5 Peter Lax đã có buổi nói chuyện với sinh viên tại ĐH Aula: “Na Uy là một nước nhỏ về địa lý nhưng là một nước lớn về Toán học. Xin cảm ơn nhân dân Na Uy đã sáng tạo ra Giải thưởng Abel”, Peter Lax đã nhấn mạnh như vậy trong bài nói của mình.

### **GIẢI THƯỞNG RAMANUIAN 2005**

LĐTHTG và Trung tâm Vật lý Lý thuyết Trieste (ICTP) vừa thông báo Giải thưởng Toán học quốc tế Ramanujan 2005, giành cho các nhà toán học các nước đang phát triển đã được trao cho Marcelo Viana, Instituto de Matematica Pura e Aplicada (IMPA), Brazil. M. Viana là một nhà toán học có nhiều thành tựu trong lĩnh vực các

Hệ động học. Ông có ảnh hưởng đến sự phát triển Toán học ở IMPA cũng như ở Brazil. Giải trị giá 10.000 đôla Mỹ, do quỹ Abel tài trợ. Đây là lần đầu tiên Giải thưởng Ramanujan được trao tặng. Về giải thưởng Ramanujan, xin xem thêm Tin Toán học Thế giới, TTTH, tập 8, số 4(2004).

### **GIẢI THƯỞNG NGHIÊN CỨU CLAY 2005**

Viện Toán học Clay, CMI (Clay Mathematics Institute), vừa ra thông báo cho biết Giải thưởng Nghiên cứu Clay-2005 đã được trao cho hai nhà toán học Manjul Bhargava (ĐH Princeton) và Nils Dencker (ĐH Lund) “do đã đạt được các thành tựu xuất sắc trong Toán học. Bhargava đã khám phá ra các luật hợp thành mới cho các dạng toàn phương và kích thước trung bình của các nhóm lớp ideal. Dencker đã cho lời giải hoàn toàn của một giả thuyết đã được F. Treves và L. Nirenberg phát biểu từ 1970”. Giải sẽ được trao tặng tại Cuộc họp hàng năm của CMI, tổ chức vào ngày 11 tháng 10 năm 2005 tại ĐH Oxford. Cũng tại buổi lễ này, còn có các bài giới thiệu công trình của những người được giải và một bài giảng phổ cập toán học của Andrew Wiles.

### **GIẢI THƯỞNG NOBEL 2005 VỀ KINH TẾ**

Robert J. Aumann, một chuyên gia về Lý thuyết trò chơi, đã được nhận Giải thưởng Nobel-2005 về Kinh tế cùng với nhà kinh tế Thomas C. Schelling, ĐH Maryland do “đã có những kết quả xuất sắc về Xung đột (conflict) và Hợp tác (cooperation) trong kinh tế nhờ phân tích Lý thuyết trò chơi (game-theory analysis)”.

J. Aumann sinh năm 1930 tại Frankfurt, Đức, và bảo vệ luận án Tiến sĩ Toán học năm 1955 tại Học viện Kỹ thuật Massachusetts (MIT). Hiện Ông là GS tại ĐH Hebrew, Jerusalem, Israel.

C. Schelling là một trong số những người đầu tiên đã áp dụng lý thuyết trò chơi vào lĩnh vực quan hệ quốc tế và kinh tế.

Lý thuyết trò chơi đã được nhà toán học người Hungary, John von Neumann, phát triển đầu tiên vào thập niên 1940-1950, bắt nguồn từ tìm hiểu việc ra quyết định trong thế giới thực tại, nơi mà một số phe đang thương lượng với các nguồn lực và thông tin không đồng đều. Sau đó nó đã được phát triển thành một lý thuyết toán học riêng.

### **CIMPA-2006**

Về CIMPA và các phương thức hoạt động của CIMPA, Bạn đọc có thể tham khảo thêm bài CIMPA-2005, trong mục Tin Toán học Thế giới, TTTT tập 9, số 2(2005). Sau đây là chương trình CIMPA năm 2006 :

1. Commutative Algebra, December 26, 2005 — January 7, 2006, Hanoi (Vietnam).
2. Orthogonal families and Semi-groups in Analysis and Probability, January 30 — February 11, 2006, Merida, Venezuela.
3. Propagation of waves, January 16-27, 2006, Cuernavaca , Mexico.
4. Homological methods and representations of non-commutative algebra, March, 6-17, 2006, Mar del Plata, Argentina.
5. Recent Topics in Geometric Analysis, May 20 - June 2, 2006.
6. Financial Information Systems, May 22 - June 2, 2006.
7. VI EMALCA, September 3-8, 2006, Merida, Venezuela.
8. Differential Geometry : Theory and Applications, August 7-18, 2006, Shangai, China.

9. New trends in Singularity Theory, August 14-21, 2006, Madrid, Spain.

10. Applied Mathematics, September 4-16, 2006, Castro Urdiales, Spain.

### **EUROCRYPT 2005**

Eurocrypt-2005 là Hội thảo khoa học về Lý thuyết mật mã của châu Âu. Hội thảo được Hiệp hội Mật mã thế giới, IACR (International Association for Cryptologic Research), phối hợp với ĐH Aarhus tổ chức, từ ngày 22-26 tháng 5 năm 2006, tại Aarhus, Đan Mạch. Đến dự có hơn 500 đại biểu, gồm hầu hết các nhà mật mã học của châu Âu và trên thế giới, một số nhà toán học. Rất nhiều người trong quân đội cũng tham dự và không ít những người đứng đầu các công ty lớn cũng đến tìm hiểu. Chương trình của Hội nghị có thể tìm trên trang Web của Hội nghị <http://www.brics.dk/eurocrypt05/program.html>

### **CÁC MỐC THỜI GIAN QUAN TRỌNG CỦA ICM-2006**

Hạn chót cho các sự kiện quan trọng của ICM-2006:

- Đăng ký dự ICM-2006: còn hạn.
- Đăng ký tổ chức Hội nghị Vệ tinh của ICM-2006: 31/10/2005.
- Xin tài trợ tham dự ICM-2006: 1/1/2006.
- Đăng ký tham dự ICM-2006 với chi phí được giảm: Từ 1/1/2006 đến 30/4/2006.
- Gửi Tóm tắt báo cáo: Từ 1/1/2006 đến 30/3/2006.

### **CÁC HỘI NGHỊ VỆ TINH CỦA ICM 2006**

Ban Điều hành ICM-2006 vừa quyết định công nhận các hội nghị dưới đây là Hội

ngộ Vệ tinh của ICM-2006. Để bạn đọc tiện tham khảo và liên hệ, chúng tôi đề nguyên, không dịch tên của các hội nghị này :

- Banach space theory : classical topics and new directions, Caceres (Spain), 4-8/9/2006.
- CIMPA School on Optimization and Control, Castro Urdiales (Cantabria, Spain), 28/8 - 8/9/2006.
- Meeting on Game Theory and Practice, Mediterranean Agro. Ins. Zaragoza, (Spain), 10-12/7/2006.
- Groups in Geometry and Topology, GGT Malaga 06, (Spain), 4-8/9/2006.
- Topics in Mathematical Analysis and Graph theory, Belgrade, (Serbia), 1-4/9/2006.
- Harmonic and geometric analysis with applications to pde's, Sevilla, (Spain), 14-18/8/2006.
- Trends and Challenges in Calculus of Variations and its applications, UCLM, Toledo (Spain), 16-19/8/2006.
- Conference On Routing And Location 2006 (CORAL 2006), Puerto de la Cruz, (Tenerife), 14-17/9/2006.

- Algebraic Geometry, Segovia (Spain), 16-19/8/2006.
- Methods of Integrable Systems in Geometry : An LMS Durham Research Symposium, University of Durham (UK), 12-2/8/2006.

Các Hội nghị vệ tinh khác, Bạn đọc có thể tham khảo thêm mục Hội nghị Toán học Thế giới, ICM-2006, TTHH Tập 9, số1(2005).

### **SERGE LANG (1927-2005)**

Serge Lang đã qua đời, ngày 12 tháng 9 năm 2005 ở độ tuổi 78. S. Lang là GS tại ĐH Yale từ 1972-2005. Ông bảo vệ luận án Tiến sĩ Toán tại ĐH Princeton năm 1951 với sự hướng dẫn của Emil Artin. S. Lang được giải Frank Nelson Cole về Đại số năm 1960 và Giải Leroy P. Steele về Viết sách Toán học năm 1999. Ông nổi tiếng là một nhà toán học viết sách Toán rất hay. Ông là Viện sĩ Viện HLKH quốc gia Mỹ.

## ***Quý Lê Văn Thiêm***

**Quý Lê Văn Thiêm** chân thành cảm ơn các cơ quan và các nhà toán học sau đây đã nhiệt tình ủng hộ (tiếp theo danh sách đã công bố trong các số Thông tin toán học trước đây, số ghi cạnh tên người ủng hộ là số thứ tự trong Sổ vàng của Quý):

140. Đại học KHTN-ĐHQG HN	: 500.000 đ
141&142. Trần Ngọc Nam & Nguyễn Việt Anh, Post-doc ICTP:	50 Euros
143. Trịnh Đức Tài, CĐSP Đà Lạt, Post-dóc ICTP	: 50 Euros
144. Nguyễn Đình Phư, ĐHKHTN-ĐHQGTPHCM, lần 2	: 500.000 đ

**Quý Lê Văn Thiêm** rất mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ quý báu của các cơ quan và cá nhân. Mọi chi tiết xin liên hệ theo địa chỉ:

Hà Huy Khoái  
Viện Toán học  
18 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội  
E-mail: [hhkhoai@math.ac.vn](mailto:hhkhoai@math.ac.vn)

## DANH SÁCH GIÁO SƯ VÀ PHÓ GIÁO SƯ ĐƯỢC CÔNG NHẬN NĂM 2005

**Giáo sư:** Ngô Bảo Châu (ĐH Paris 11) do Viện Toán học đề cử.



Ngô Bảo Châu tại buổi lễ trao Giải thưởng Clay (GS Laumon đứng ngay sau anh)

Sau khi GS Ngô Bảo Châu đạt Giải thưởng Clay năm 2004 và được nhận làm giáo sư tại ĐHTH Paris 11, BCH Hội Toán học Việt Nam đã nhất trí đề nghị Viện Toán học tiến cử Anh được phong học hàm giáo sư của Việt Nam. Từ lâu GS Ngô Bảo Châu đã có tích cực giảng dạy cho sinh viên các trường trong nước và tham gia cộng tác nghiên cứu khoa học với Viện Toán học. Sau khi nhận Giải thưởng Clay, GS Ngô Bảo Châu đã ủng hộ Thư viện Viện Toán học 5000 USD (năm ngàn đô la Mỹ) để mua sách. Số tiền này được trích từ Giải thưởng Clay của Anh, và Quỹ Clay sẽ trực tiếp đặt sách cho Viện Toán học. Với mong muốn mời Anh dành nhiều thời gian hơn nữa trong công tác giảng dạy cho sinh viên trong nước và cộng tác nghiên cứu khoa học với Viện, Hội đồng CDGS cấp cơ sở Viện Toán học đã đề nghị phong Anh là học hàm giáo sư *điện đặc cách*. Đề nghị này đã được Hội đồng CDGS Ngành Toán và Hội đồng CDGS Nhà nước thông qua, và đã được Nhà nước đồng ý vào cuối tháng 12. Hội đồng CDGS Nhà nước đã có

quyết định chính thức công nhận Anh là giáo sư của Việt Nam.

Anh đã được mời đọc báo cáo mời tại Tiểu ban Nhóm Lie và Đại số Lie tại Hội nghị Toán học thế giới ICM-2006 tại Madrid vào tháng Tám tới. Đây là một vinh dự đặc biệt cho người làm Toán.

### Phó giáo sư:

1. Nguyễn Đức Đạt (ĐH KHTN Hà Nội)
2. Đoàn Thế Hiếu (ĐHSP Huế)
3. Vũ Đình Hoà (ĐHSP Hà Nội)
4. Nguyễn Đình Huy (ĐHBK Tp. Hồ Chí Minh)
5. Nguyễn Quý Khang (ĐHSP2 Hà Nội)
6. Vũ Văn Khương (ĐH GT Vạn tải)
7. Võ Liên (ĐH Quy Nhơn)
8. Lê Thị Thanh Nhân (ĐH Thái Nguyên)
9. Trần Xuân Sinh (ĐH Vinh)
10. Nguyễn Sum (ĐH Quy Nhơn)
11. Nguyễn Doãn Tuấn (ĐHSP Hà Nội).

Trong số các phó giáo sư, chị Lê Thị Thanh Nhân là phó giáo sư trẻ nhất trong tất cả các ngành.

Xin chúc mừng các tân giáo sư và phó giáo sư.



Lê Thanh Nhân đang đọc báo cáo

## DANH SÁCH CÁC TIẾN SĨ TOÁN HỌC BẢO VỆ TRONG NƯỚC TỪ THÁNG 07/2004 – 15/07/2005

(Đã được cấp bằng TS đến QĐ số 5976 ngày 25/10/2005)

Viết tắt dưới đây: ngày bảo vệ (nbv), tập thể hướng dẫn (tthd), chuyên ngành (chn), cơ sở đào tạo (csdt). Các thông tin này do TS Nguyễn Lê Hương (Bộ Giáo dục và đào tạo) cung cấp.

- Nguyễn Thanh Bình** (Trường ĐHS - Đại học Thái Nguyên), nbv: 16/6/2004, csdt: Viện Toán học. Tên luận án: “*Sự hội tụ và phân loại của một số ma trận suy rộng*”, chn: 1.01.04 — Lý thuyết xác suất và TKTH, tthd: PGS. TSKH. Đinh Quang Lưu và TS. Nguyễn Hắc Hải
- Phạm Quang Trình** (Trường đại học Vinh), nbv: 29/6/2004, csdt: ĐH Vinh. Tên luận án: “*Về tính chất AR của các không gian metric tuyến tính.*”, chn: 1.01.01 — Toán giải tích, tthd: GS. TSKH. Nguyễn Tố Như và PGS. TS. Nguyễn Nhụy.
- Bùi Quốc Hoàn** (Trường CĐ Sư phạm Hà Tây), nbv: 30/7/2004, csdt: Trường đại học Sư phạm Hà Nội. Tên luận án: “*Hàm chỉnh hình bị chặn đều và hàm chỉnh hình tách biến giá trị Fréchet*”, chn: 1.01.01 — Toán giải tích, nhđ: PGS. TSKH. Lê Mậu Hải.
- Trương Công Tuấn** (Trường ĐH Khoa học - Đại học Huế), nbv: 29/6/2004, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Nghiên cứu datalog trong mối quan hệ giữa logic và cơ sở dữ liệu*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TS. Hồ Thuần và PGS. TS. Lê Mạnh Thạch.
- Hoàng Quang** (Trường ĐH Khoa học - Đại học Huế), nbv: 13/7/2004, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Về một cách tiếp cận trong nghiên cứu chuyển đổi mô hình quan hệ sang mô hình hướng đối tượng*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TS. Hồ Thuần và PGS. TS. Hồ Văn Ban.
- Nguyễn Quang Huy** (Trường ĐHS Hà Nội 2), nbv: 30/8/2004, csdt: Viện Toán học. Tên luận án: “*Cấu trúc tô pô của tập nghiệm trong bài toán cực đại vectơ tựa lõm chặt*” chn: 1.01.01 - Toán giải tích, tthd: PGS. TSKH. Nguyễn Đông Yên và TS. Tạ Duy Phương.
- Nguyễn Văn Thuận** (Trường ĐH Vinh), nbv: 2/10/2004, csdt: Trường Đại học Vinh. Tên luận án: “*Góp phần phát triển năng lực tư duy logic và sử dụng chính xác ngôn ngữ toán học cho học sinh đầu cấp THPT trong dạy học Đại số*”, chn: 5.07.02 - Phương pháp giảng dạy toán, tthd: PGS. TS. Ngô Hữu Dũng và PGS. TS. Đào Tam.
- Trần Đình Thanh** (Trường ĐH Y Dược TP HCM), nbv: 22/11/2004, csdt: Trường Đại học SP Tp. Hồ Chí Minh. Tên luận án: “*Ứng dụng lý thuyết phương trình trong không gian Banach có thứ tự vào một số lớp phương trình vi phân*”, chn: 1.01.01 — Toán giải tích, tthd: PGS. TS. Nguyễn Bích Huy và PGS. TS. Lê Hoàn Hoá.
- Trần Anh Tuấn** (Trường CĐ Sư phạm Nghệ An), nbv: 11/01/2005, csdt: Trường Đại học Vinh. Tên luận án: “*Dạy học hình học ở các lớp 6, 7 trường trung học cơ sở theo hướng tổ chức các hoạt động hình*”

học”, chn: 5.07.02 — Phương pháp giảng dạy toán, nhd: PGS. TS. Phạm Gia Đức.

10. **Vũ Minh Lộc** (Trường CĐSP Bà Rịa — Vũng Tàu), nbv: 25/2/2005, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Phương pháp lập luận xấp xỉ và ứng dụng vào một số bài toán trợ giúp quyết định trong giáo dục*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TSKH. Nguyễn Cát Hồ.

11. **Nguyễn Đình Thuận** (Trường ĐH Thủy sản), nbv: 29/4/2005, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Một số vấn đề về phụ thuộc dữ liệu và luật kết hợp trong cơ sở dữ liệu có yếu tố thời gian*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Huy và GS. TSKH. Nguyễn Đình Ngọc.

12. **Lê Quốc Hưng** (Viện Công nghệ thông tin), nbv: 17/6/2005, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Nghiên cứu và xây dựng hệ thống tin địa lý trực tuyến*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Huy.

13. **Đàm Gia Mạnh** (Trường ĐH Thương mại), nbv: 18/6/2005, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Một số tính chất xác định ngữ nghĩa trong các cơ sở dữ liệu*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: PGS. TSKH. Nguyễn Xuân Huy và PGS. TS. Đoàn Văn Ban.

14. **Võ Thanh Tú** (Trường ĐH Khoa học - Đại học Huế), nbv: 28/6/2005, csdt: Viện Công nghệ Thông tin. Tên luận án: “*Nghiên cứu phát triển các kỹ thuật đánh giá và nâng cao hiệu năng mạng Internet*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: GS. TS. Nguyễn Thúc Hải và PGS. TS. Nguyễn Gia Hiếu.

15. **Đào Thị Liên** (Trường ĐHS - ĐH Thái Nguyên), nbv: 15/5/2005, csdt: Trường ĐHS Hà Nội. Tên luận án: “*Về sự ổn định của hệ phương trình vi phân và hệ phương trình vi phân đại số*”, chn: 1.01.02 - Phương trình vi phân và tích phân, tthd: GS. TS. Vũ Tuấn và PGS. TS. Cấn Văn Tuất.

16. **Nguyễn Đức Hoàng** (Trường ĐHS Hà Nội), nbv: 22/4/2005, csdt: Trường ĐHS Hà Nội. Tên luận án: “*Đa thức Hilbert và số bội trộn của đại số song phân bậc*”, chn: 1.01.03 - Đại số và Lý thuyết số, tthd: GS. TSKH. Ngô Việt Trung và TS. Bùi Huy Hiền.

17. **Lê Tài Thu** (Trường CĐ Sư phạm Bắc Ninh), nbv: 28/4/2005, csdt: Trường ĐHS Hà Nội. Tên luận án: “*Miền Hartogs trong không gian giải tích banach và định lý Forelli đối với không gian phức*”, chn: 1.01.01 — Toán giải tích, tthd: GS. TSKH. Đỗ Đức Thái.

18. **Kiều Văn Hưng** (Trường ĐHS Hà Nội 2), nbv: 29/6/2005, csdt: Viện Toán học. Tên luận án: “*Về mã xác định bởi quan hệ hai ngôi*”, chn: 1.01.10 - Đảm bảo toán học cho máy tính và hệ thống tính toán, tthd: GS. TSKH. Đỗ Long Vân và PGS. TS. Phan Trung Huy.

19. **Phạm Văn Việt** (Trường ĐHS Hà Nội), nbv: 12/7/2005, csdt: Trường ĐHS Hà Nội. Tên luận án: “*Về sự ổn định của nghiệm của một số phương trình vi phân đại số*”, chn: 1.01.02 — Phương trình vi phân và tích phân, tthd: GS. TS. Vũ Tuấn và PGS. TS. Cấn Văn Tuất.

**Kính mời quý vị và các bạn đồng nghiệp  
đăng kí tham gia Hội Toán Học Việt Nam**

Hội Toán học Việt Nam được thành lập từ năm 1966. Mục đích của Hội là góp phần đẩy mạnh công tác giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học. Tất cả những ai có tham gia giảng dạy, nghiên cứu phổ biến và ứng dụng toán học đều có thể gia nhập Hội. Là hội viên, quý vị sẽ được phát miễn phí tạp chí Thông Tin Toán Học, được mua một số ấn phẩm toán với giá ưu đãi, được giảm hội nghị phí những hội nghị Hội tham gia tổ chức, được tham gia cũng như được thông báo đầy đủ về các hoạt động của Hội. Để gia nhập Hội lần đầu tiên hoặc để đăng kí lại hội viên (theo từng năm), quý vị chỉ việc điền và cắt gửi phiếu đăng kí dưới đây tới BCH Hội theo địa chỉ:

**Chi Khổng Phương Thúy, Viện Toán Học, 18 Hoàng Quốc Việt, 10307 Hà Nội**

Về việc đóng hội phí có thể chọn một trong các hình thức sau đây:

1. Đóng tập thể theo cơ quan (kèm theo danh sách hội viên).
2. Đóng trực tiếp hoặc gửi tiền qua bưu điện đến cô Khổng Phương Thúy theo địa chỉ trên.
3. Đóng bằng tem thư (loại tem không quá 1000Đ, gửi cùng phiếu đăng kí).

*(Theo quyết định của ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ 5 của Hội, bắt đầu từ năm 2005, hội phí mỗi hội viên tăng lên thành 50 000 đồng một năm)*

**BCH Hội Toán Học Việt Nam**



<p><b>Hội Toán Học Việt Nam</b> <b>PHIẾU ĐĂNG KÍ HỘI VIÊN</b></p>	<p><b>Hội phí năm 2006</b></p>
1. Họ và tên:	Hội phí : 50 000 Đ <input type="checkbox"/>
Khi đăng kí lại quý vị chỉ cần điền ở những mục có thay đổi trong khung màu đen này	<u>Acta Math. Vietnam.</u> 70 000 Đ <input type="checkbox"/>
2. Nam <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/>	Tổng cộng:
3. Ngày sinh:	Hình thức đóng:
4. Nơi sinh (huyện, tỉnh):	<input type="checkbox"/> Đóng tập thể theo cơ quan (tên cơ quan):
5. Học vị ( <i>năm, nơi bảo vệ</i> ):	<input type="checkbox"/> Đóng trực tiếp
Cử nhân:	<input type="checkbox"/> Gửi bưu điện (xin gửi kèm bản chụp thư chuyển tiền)
Ths:	<input type="checkbox"/> Đóng bằng tem thư (gửi kèm theo)
TS:	
TSKH:	
6. Học hàm ( <i>năm được phong</i> ):	
PGS:	
GS:	
7. Chuyên ngành:	
8. Nơi công tác:	
9. Chức vụ hiện nay:	
10. Địa chỉ liên hệ:	
E-mail:	
ĐT:	
Ngày: Kí tên:	

*Ghi chú:* - Việc mua Acta Mathematica Vietnamica là tự nguyện và trên đây là giá ưu đãi (chỉ bằng 50% giá chính thức) cho hội viên (gồm 3 số, kể cả bưu phí).  
- Gạch chéo ô tương ứng.

## Mục lục

<i>Hội thảo □Về Chương trình Toán tại các bậc phổ thông□ và buổi gặp mặt □Mừng Xuân Bình Tuất□</i> .....	1
<b>Trần Văn Nhung</b> <i>Bốn mươi năm ớp chuyên toán đầu tiên</i> .....	2
<b>Nguyễn Hữu Việt Hưng</b> <i>Mừng anh Nguyễn Hữu Anh 60 tuổi</i> .....	5
<b>Nguyễn Hữu Việt Hưng</b> <i>Tưởng nhớ Phạm Anh Minh</i> .....	9
<b>Phạm Trà Ân</b> <i>Giới thiệu các giải thưởng Fields và Abel</i> .....	11
Nhìn ra thế giới .....	14
Tin toán học thế giới .....	15
Quý Lê Văn Thiêm .....	17
Danh sách giáo sư và phó giáo sư được công nhận năm 2005 .....	18
Danh sách các Tiến sĩ Toán học bảo vệ trong nước từ tháng 07/2004 — 15/07/2005 .....	19